

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2020/HC-ST

Ngày: 29/9/2020.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
Chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành và bà Cù Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 43/2020/TLST-HC ngày 11/6/2020 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HC ngày 31/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HC ngày 21/9/2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Y P - Có mặt

Địa chỉ: Buôn A2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y T - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020)

Địa chỉ: Buôn A1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ trụ sở: Số 31 đường LLQ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TN; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông ThN - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E- Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử

2. Ông ĐN - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

3. Ông BL- Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E- Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông AH và bà HTB - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn DĐ, xã BN, huyện CT, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông VT và bà HĐ- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà W và ông R - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

4. Ông Y và bà U - Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố GT, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Y P trình bày: Thừa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² và thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m² tại I (tên thường gọi của người dân tộc thiểu số) thuộc thôn 1, xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông khai hoang từ năm 1976 và sử dụng vào mục đích nông nghiệp đến năm 1992, thì xảy ra sự việc người dân trong xã Q đánh chết một người dân tộc thiểu số tên là O, tại điểm này, nên gia đình ông sợ, nên bỏ hoang; Đến năm 2016, gia đình ông đến để canh tác nông nghiệp, thì thấy có người rào chắn diện tích đất này lại; Ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã Q nhưng không được giải quyết; Năm 2018, gia đình ông được biết, UBND huyện E đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576348 cho ông AH và bà HTB, đối với thửa đất 806 vào ngày 05/11/2018 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576349 cho ông VT và bà HD, đối với thửa đất số 807 vào ngày 31/10/2018. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện E trình bày: Thừa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² và thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m², tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông AH, gia đình VT khai hoang và lấn chiếm đất do Lâm trường P quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, không có tranh chấp; Việc gia đình ông AH, gia đình ông VT lấn chiếm đất rừng, không được Lâm trường P ngăn chặn và xử lý hành vi lấn chiếm đất.

Ngày 12/6/2018, vợ chồng ông AH, vợ chồng ông VT đăng ký, kê khai các thửa đất nêu trên, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ngày 14/8/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E, sau khi thẩm tra hồ sơ, đã ký xác nhận các thửa đất nêu trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sau khi vợ chồng ông AH, vợ chồng ông VT hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E ban hành tờ trình đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với hai thửa đất nêu trên.

Ngày 31/10/2018, UBND huyện E ban hành Quyết định số: 3078/QĐ- UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576349 cho ông VT, bà HD đối với thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15; Ngày 05/11/2018, UBND huyện E ban hành Quyết định số: 3107/QĐ - UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576348 cho ông AH, bà HTB đối với thửa đất số 806, tờ bản đồ số 15; Việc UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với hai thửa đất nêu trên là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Y P về việc yêu cầu huỷ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông AH và bà HTB, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông VT và bà HD trình bày: Thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m², tại thôn 1, xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà khai hoang từ năm 1992 và sử dụng ổn định đến nay; Ông Y P và mọi người tại thôn 1, đều biết thửa đất nêu trên do vợ chồng ông khai hoang; Ngày 31/10/2018, UBND huyện E, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576349 cho vợ chồng ông, bà đối với thửa đất nêu trên là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Y P về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576349.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông, bà làm thủ tục hợp thửa đất số 807 với thửa đất số 811, diện tích 60m² do hai thửa đất liền kề nhau, thành thửa đất số 812, tờ bản đồ số 15; Sau đó, vợ chồng ông, bà làm thủ tục tách thửa đất số 812 thành hai thửa, là thửa đất số 813, diện tích 321m² và thửa đất số 814, diện tích 231m²; Ngày 19/02/2019, vợ chồng ông bà chuyển nhượng thửa đất số 813 cho vợ chồng ông Y, bà U.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông R và bà W trình bày: Ngày 28/11/2018, vợ chồng ông AH và bà HTB chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà thửa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² tại thôn 1, xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông AH vào ngày 05/11/2018; Vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên là hợp pháp, không liên quan đến ông Y P; Việc ông Y P khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y và bà U trình bày: Ngày 19/02/2019, vợ chồng ông VT, bà HD chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà thửa đất thửa đất số 813, tờ bản đồ số 15, diện tích 321m² tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông VT vào ngày 30/01/2019; Vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên là hợp pháp, không liên quan đến ông Y P; Việc ông Y P khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng Hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Y P VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Tại biên bản xác minh về nguồn gốc diện đất bà A đang sử dụng tại thôn 1, tại xã Q, huyện E, do UBND xã Q xác minh vào ngày 13/8/2012, ông Y P thừa nhận đã chuyển nhượng đất khai hoang cho bà A vào năm 1993. Thửa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² và thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m², tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông AH, gia đình VT khai hoang và lấn chiếm đất rừng, do Lâm trường P quản lý nhưng không bị xử lý hành chính về hành vi lấn chiếm đất rừng và được sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, không có tranh chấp; Năm 2018, UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576348 cho ông AH và bà HTB, đối với thửa đất số 806; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 576349 cho ông VT và bà HD, đối với thửa đất số 807, là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu

khởi kiện của ông Y P về việc yêu cầu huỷ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Y P, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì thửa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² và thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m², tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông AH, gia đình VT khai hoang và lấn chiếm đất rừng do Lâm trường P quản lý từ năm 1992 và sử dụng đất vào mục đích nông nghiệp đến nay; Việc gia đình ông AH, gia đình ông VT lấn chiếm đất do Lâm trường P quản lý, không bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất; Ngày 12/6/2018, vợ chồng ông AH và vợ chồng ông VT đăng ký, kê khai các thửa đất nêu trên có nguồn gốc khai hoang năm 1992, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND xã Q xác nhận là đất do gia đình ông AH, gia đình ông VT khai hoang và lấn chiếm đất do Lâm trường P quản lý từ năm 1992 nhưng không văn bản ngăn chặn hành vi lấn chiếm đất; Đất được sử dụng ổn định từ năm 1992 đến năm 2018, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 31/10/2018, UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 57639 cho ông VT và bà HD, đối với thửa đất số 807; Ngày 05/11/2018, UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 57638 cho ông AH và bà HTB, đối với thửa đất số 806, là đúng với quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số:43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3] Ông Y P khởi kiện cho rằng hai thửa đất nêu trên có nguồn gốc do ông khai hoang năm 1976 và sử dụng đến năm 1992, thì bỏ hoang hoá; Năm 2016, ông quay trở lại để canh tác, thì người khác đã rào chắn lại sử dụng, nên hai thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, ông Y P không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, ông Y P cũng không sử dụng thửa đất số 806, số 807 từ năm 1992 đến nay, nên không đủ điều kiện để được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, đối với hai thửa đất nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y P, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Y P về việc: Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 576348 do UBND huyện E cấp ngày 05/11/2018 cho ông AH và bà HTB, đối với thửa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 576349 do UBND

huyện E cấp ngày 31/10/2018 cho ông VT và bà HD, đối với thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m² tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của Y P không được Tòa án chấp nhận, ông Y P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số:43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y P về việc: Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 576348 do UBND huyện E cấp ngày 05/11/2018 cho ông AH và bà HTB, đối với thửa đất số 806, tờ bản đồ số 15, diện tích 312m² tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 576349 do UBND huyện E cấp ngày 31/10/2018 cho ông VT và bà HD, đối với thửa đất số 807, tờ bản đồ số 15, diện tích 552m² tại xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Ông Y P phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm và được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số:0010316 ngày 10/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huồn

